

Tam Đường, ngày 15 tháng 4 năm 2022

*
Số 24-BC/HU

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về “phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Thực hiện Công văn số 830-CV/TU, ngày 21/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (gọi tắt là Nghị quyết), Ban Thường vụ Huyện ủy Tam Đường báo cáo kết quả như sau:

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác quán triệt, học tập của cấp uỷ, chính quyền các cấp

Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng khóa XI, trong đó có Nghị quyết số 20-NQ/TW (Kế hoạch số 37-KH/HU, ngày 19/02/2013). Chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc, cơ quan, đơn vị chủ động triển khai quán triệt, phổ biến Nghị quyết; MTTQ và các đoàn thể các cấp, cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết đến đoàn viên, hội viên, quần chúng Nhân dân bằng các hình thức phù hợp, chú trọng hình thức tuyên truyền miệng.

Kết quả, toàn huyện tổ chức 214 hội nghị¹, với 1.902/1.944=97,8% đảng viên; 1.506/1.606 = 93,7% cán bộ, công chức, viên chức chưa là đảng viên; tuyên truyền 155/155 bản với 8.432 lượt người đại diện cho các hộ gia đình tham gia.

Qua việc quán triệt, học tập, phổ biến, tuyên truyền nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của KHCN đối với sự nghiệp CNH-HĐH đất nước trong các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn được nâng lên rõ rệt, coi nhiệm vụ phát triển KHCN là một trong những nhiệm vụ quan trọng đầy nhanh sự phát triển kinh tế-xã hội; tích cực đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao KHCN vào sản xuất và quản lý, góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc.

¹ Cấp huyện 03 hội nghị (01 hội nghị cán bộ chủ chốt, 02 hội nghị cho đảng viên, công chức, viên chức, người lao động các chi, đảng bộ khối cơ quan huyện), cơ sở tổ chức 211 hội nghị.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng, ban hành các kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển KHCN trên địa bàn huyện. UBND huyện đã cụ thể hóa, kịp thời ban hành các kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc cơ sở triển khai đẩy mạnh ứng dụng KHCN, từng bước đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế (*phụ lục kèm theo*).

Chỉ đạo các chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh về phát triển KHCN gắn với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Thành lập Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện, triển khai ứng dụng, nhân rộng các sáng kiến mang hiệu quả cao trong công việc và sản xuất.

3. Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền các cấp, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Kế hoạch số 334-KH/TU

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết được thực hiện lồng ghép trong các cuộc kiểm tra, giám sát về công tác xây dựng Đảng, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan đến KHCN lồng ghép trong cuộc kiểm tra nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước (*chấp hành pháp luật KHCN; tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, ghi nhãn hàng hóa, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001...*), các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN. Ban Tuyên giáo Huyện ủy hàng năm thực hiện kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng về thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên giáo², trong đó có nhiệm vụ công tác khoa giáo về lĩnh vực khoa học công nghệ.

Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức sơ kết 03 năm, 05 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW bằng hình thức xây dựng báo cáo³.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW, KẾT LUẬN SỐ 50-KL/TW, KẾ HOẠCH SỐ 334-KH/TU

I. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Kế hoạch số 334-KH/TU

1. Đánh giá những kết quả đạt được theo các mục tiêu cụ thể đã đề ra trong Nghị quyết số 20-NQ/TW

² Thực hiện 10 cuộc kiểm tra, giám sát với 24 lượt Đảng ủy các xã, thị trấn.

³ Báo cáo số 25-BC/HU, ngày 12/10/2015 về sơ kết 03 năm; Báo cáo số 148-BC/HU, ngày 14/3/2017 về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

Huyện quan tâm, đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh mẽ KHCCN trên các lĩnh vực, từng bước đáp ứng yêu cầu cơ bản trong quá trình CNH-HĐH đất nước. Tiềm lực khoa học và công nghệ của huyện từng bước được nâng lên, các thiết bị phục vụ cho chuyên giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, kiểm định, thử nghiệm đất, phân bón, giống, vật tư, nông, lâm nghiệp, chuyên giao công nghệ... được quan tâm đầu tư. Việc nghiên cứu, ứng dụng KHCCN vào các ngành sản xuất trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của huyện. Các địa phương đã đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; hình thành những vùng chuyên canh, đưa giống cây trồng, vật nuôi năng suất, hiệu quả cao vào sản xuất, xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm đặc trưng của địa phương như chè Tam Đường, miến dong, mật ong, gạo Tẻ dàu, Sếng cù...

Đội ngũ cán bộ KHCCN được củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực. Đến nay hội đồng sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện được thành lập trung bình 9 thành viên, 100% có trình độ từ đại học trở lên, được phân công nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá các đề tài sáng kiến kinh nghiệm trên địa bàn.

2. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách, nghị quyết, kết luận... của Đảng, Nhà nước về KHCCN⁴ tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học phù hợp với tình hình thực tiễn; gắn mục tiêu, nhiệm vụ KHCCN với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội hàng năm của huyện và cơ sở.

Công tác quản lý nhà nước về KHCCN luôn được chú trọng: UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chế độ thông tin, thống kê, báo cáo; xây dựng kế hoạch tổ chức, phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ KHCCN trên địa bàn huyện; nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ KHCCN, chủ động đề xuất

⁴ Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về "Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế"; Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện nghị quyết hội nghị Trung ương 6 khóa XI về "Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"; Kế hoạch số 334-KH/TU về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 28/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 185-KH/HU, ngày 15/4/2020 về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW; Kế hoạch số 441/KH-UBND ngày 24/4/2020 thực hiện Kế hoạch số 185-KH/HU ngày 15/4/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 25/02/2022 của Tỉnh ủy về chương trình chuyên đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

những biện pháp, giải pháp tháo gỡ khó khăn, phát triển KH-CN. Quan tâm đẩy mạnh việc chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH-CN vào sản xuất và đời sống, nhân rộng một số mô hình sản xuất tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở địa phương.

2.2. Về cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ

Quan tâm đổi mới cơ chế quản lý; xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách đối với hoạt động KH-CN phù hợp với đặc thù của huyện; ưu tiên phát triển thử nghiệm các mô hình trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, mang lại hiệu quả kinh tế cao, từng bước đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh, một số sản phẩm đạt chất lượng, đủ tiêu chuẩn xuất ra thị trường nước ngoài.

Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện được thành lập, kiện toàn hàng năm, có nhiệm vụ xem xét, đánh giá chất lượng các đề tài sáng kiến kinh nghiệm của các tập thể, cá nhân thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau: nông nghiệp, y tế, giáo dục... Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện triển khai thực hiện thí điểm các mô hình trồng trọt, chăn nuôi; lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi mang lại giá trị, hiệu quả kinh tế cao, phù hợp đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu địa phương và nhu cầu tiêu dùng của thị trường để nhân rộng.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu phát triển các đề tài sáng kiến kinh nghiệm. Các đề tài sáng kiến kinh nghiệm được công nhận ở cấp huyện được xem xét nhân rộng trên địa bàn và đề nghị xét công nhận ở cấp tỉnh. Từ năm 2014 đến nay, huyện có 1.543 đề tài sáng kiến kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực khác nhau được công nhận.

Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, công ty trong việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp như: sản xuất miến dong, chè chất lượng cao; trồng cây ăn quả ôn đới như đào, mận, lê, chanh leo, dứa; các loại hoa lan, hoa hồng, hoa ly, cây dược liệu...

Khuyến khích, động viên các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng KH-CN vào thực tế, phát huy vai trò xung kích của Đoàn thanh niên và các đoàn thể xã hội trong phong trào thi đua sáng tạo, ứng dụng tiến bộ KH-CN. Tiêu biểu: Hội Nông dân huyện triển khai dự án nuôi trâu thương phẩm, ngựa sinh sản tại xã Thèn Sin; cá thương phẩm tại xã Bản Giang, thị trấn; Hội Cựu chiến binh với mô hình trồng ngô lai tại Thị trấn Tam Đường, xã Sơn Bình, Hồ Thầu; đậu tương xã Nà Tầm.

2.3. Về triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu

Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, tích cực triển khai ứng dụng khoa học

kỹ thuật trong lao động, sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành sản xuất kinh doanh có giá trị kinh tế cao, phù hợp với đặc điểm thực tiễn địa phương.

* *Lĩnh vực nông nghiệp*: Tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng vùng, địa phương. Tăng cường đầu tư thâm canh tăng vụ, hình thành vùng sản xuất tập trung gắn với sản xuất hàng hóa; đổi mới quy trình sản xuất, khuyến khích đầu tư thay thế máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất và quản lý⁵; khuyến cáo, hướng dẫn người dân ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất⁶. Việc ứng dụng KH-CN đã rút ngắn thời gian lao động, giảm sức người, đảm bảo quy trình kỹ thuật, nâng cao hệ số sử dụng đất, đem lại hiệu quả kinh tế cao, tăng thu nhập cho người dân.

- *Lĩnh vực trồng trọt*: Lựa chọn các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất đại trà, đồng thời khuyến khích người dân sử dụng các loại giống có nguồn gốc rõ ràng, có khả năng kháng sâu bệnh, sử dụng giống thuần xác nhận, giống lai có năng suất cao vào sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

+ Các giống lúa mới đưa vào sản xuất là các giống lúa lai chất lượng, cho năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt như Thục Hưng 6, LC 270, Nghi hương 2308, Hương thơm số 1, DS1, Ség cù. Đưa các giống ngô chất lượng cao, kháng sâu bệnh vào sản xuất như CP 111, CP 511, CP 311, HN88, MX6. Đến nay, sản lượng lương thực toàn huyện đạt 41.100 tấn (tăng 4.085 tấn so với năm 2012).

+ Mở rộng diện tích trồng chè chất lượng cao (*Kim Tuyên, PH8*), hình thành vùng chè tập trung tại các xã Bản Bo, Nà Tăm, Khun Há; thâm canh chè theo tiêu chuẩn Rainforest Alliance 74,03 ha; chè hữu cơ 54 ha, chè VietGAP 30,7 ha. Đến nay, tổng diện tích chè toàn huyện đạt 1.947 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 10.200 tấn (tăng 6.793 tấn so với năm 2012). Ngoài ra, một số mô hình trồng cây ăn quả (*cam, đào, lê, mận, thanh long, dưa, chanh leo*); trồng cây dược liệu, hoa lan, hoa ly, hoa hồng được triển khai đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ dân.

+ Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực; xây dựng 07 sản phẩm OCOP đạt 3 sao, gồm: Miến dong Bình Lư; Mật ong hoa tự nhiên; Trà cổ thụ Putaleng; Chuối tươi Tam Đường; Chanh leo Tam Đường; Chả chéo Lục Lệ; Bộ bàn ghế mây đan Bản Giang, trong đó có 02 sản phẩm được Cục sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu “Chè Tam

⁵ Phối hợp xây dựng và thực hiện 30 mô hình, mở 45 lớp tập huấn với trên 1.350 hộ tham gia, 15 cuộc hội thảo đầu bờ trên 700 hộ tham gia, hỗ trợ 1.360 máy móc, nông cụ phục vụ sản xuất, xây dựng 08 công trình thủy lợi nhỏ phục vụ tưới tiêu.

⁶ Sử dụng chế phẩm sinh học. EM, Probiotic, Prebiotic nhằm xử lý môi trường ao nuôi thay thế việc xử lý bằng hóa chất; các loại chế phẩm sinh học bổ sung men đường ruột để hỗ trợ tiêu hóa giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng phòng trừ dịch bệnh.

Đường” và “Miền dong Bình Lư”.

- *Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản*

+ Khuyến khích phát triển cơ sở chăn nuôi tập trung, đến nay toàn huyện có 09 cơ sở chăn nuôi trâu, bò tập trung quy mô trên 15 con/1 cơ sở⁷; 04 cơ sở chăn nuôi lợn quy mô trên 100 con/cơ sở⁸; 08 cơ sở chăn nuôi lợn tập trung quy mô trên 50 con/ cơ sở⁹.

+ Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng quy mô nuôi cá nước lạnh. Toàn huyện hiện có 26 cơ sở¹⁰, với tổng 388 bể, thể tích bể nuôi 18.000 m³, sản lượng thu trong năm đạt 146 tấn. Hợp tác xã Ngũ Chi Sơn, bản Chu Va 12 xã Sơn Bình xây dựng thành công 02 sản phẩm OCOP đạt 3 sao (*cá tầm cắt khúc, cá hồi phi lê*).

* *Trong lĩnh vực công nghiệp*: Các nhà máy sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện đã đổi mới quy trình sản xuất, đầu tư thay thế máy móc, thiết bị, dây truyền sản xuất cũ bằng các thiết bị mới, hiện đại hơn (Nhà máy chè xã Bản Bo, cơ sở sản xuất miền dong Bình Lư, sản xuất gạch Thèn Sin...).

* *Trong lĩnh vực y - dược*: Trung tâm Y tế huyện được đầu tư trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phục vụ khám và chữa bệnh (siêu âm; nội soi tai, mũi, họng, dạ dày; xét nghiệm). Phối hợp triển khai lắp đặt hệ thống Telemedicine theo đề án khám chữa bệnh từ xa với các bệnh viện tuyến Trung ương, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn trong chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân. Triển khai phần mềm quản lý các chương trình mục tiêu y tế (tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh, quản lý bệnh sốt rét, lao, HIV). Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động khám chữa bệnh, thanh toán hóa đơn điện tử.

Khuyến khích phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và nghiên cứu khoa học. Hàng năm, có từ 5 - 10 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kỹ thuật áp dụng lĩnh vực Y học.

* *Giáo dục và Đào tạo*: Ngành giáo dục đã tích cực thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo dục, dạy và học (giáo án điện tử, học trực tuyến qua phần mềm zoom...) nhằm đổi mới phương pháp theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh. 100% các trường học trên địa bàn có hệ thống máy tính kết nối mạng LAN, internet. Hàng năm, quan tâm tổ chức, tham gia các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp huyện, tỉnh cho học sinh; khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu, có sáng kiến, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong

⁷ Sơn Bình 04 cơ sở, Thị trấn 02 cơ sở, Bản Giang 01 cơ sở; Bản Hòn 02 cơ sở.

⁸ Bản Giang 01 Công ty chăn nuôi lợn với quy mô trên 3 000 con/lứa; 01 cơ sở xã Bình Lư; 01 cơ sở Bản Bo; 01 cơ sở Sơn Bình.

⁹ Sơn Bình 03 cơ sở; Bình Lư 02 cơ sở; Bản Bo 01 cơ sở; Bản Hòn 01 cơ sở; Thèn Sin 01 cơ sở

¹⁰ Sơn Bình 23 cơ sở, Hồ thầu 02 cơ sở, Bản Bo 01 cơ sở, trong đó: có 14 hộ xây dựng bể nuôi kiên cố, 12 hộ nuôi bằng bể bạt; số lượng bể nuôi 388 bể (Sơn Bình 323 bể, Hồ thầu 13 bể, Bản Bo 52 bể)

các nhà trường (trung bình từ 160-320 sáng kiến/năm).

** Trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng*

Các phương tiện, vũ khí phục vụ cho công tác an ninh, quốc phòng: Máy tính, máy ảnh, camera, ống nhòm, ô tô, mô tô, các loại vũ khí và công cụ hỗ trợ khác được trang bị phục vụ công tác điều tra, khám xét, bắt giữ tội phạm và trong chỉ huy tác chiến, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn... Ứng dụng công nghệ giúp công việc giải quyết hiệu quả hơn, góp phần giữ vững an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

** Về phát triển chính quyền điện tử*

- 100% cơ quan, đơn vị được trang bị máy vi tính, kết nối internet, sử dụng mạng nội bộ, mạng LAN, cài đặt phần mềm ứng dụng; phục vụ công tác quản lý cán bộ, tài chính, tài sản công, họp trực tuyến, tra cứu văn bản, tập huấn, học tập bằng máy chiếu... Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "Một cửa" của UBND huyện được đầu tư theo hướng một cửa điện tử nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu giao dịch của tổ chức, công dân; các thủ tục hành chính bước đầu đã được xử lý trực tuyến.

- Xây dựng kế hoạch duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; 100% các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp nhà nước sử dụng chữ ký số.

2.4. Về phát huy và tăng cường tiềm lực cho khoa học và công nghệ

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng thành tựu KHCN vào sản xuất kinh doanh. Trên bàn huyện có 15 công ty, doanh nghiệp, trung tâm và 07 hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, trong đó 12 công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị. Thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, máy móc hiện đại vào trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản; sơ chế, chế biến sau thu hoạch nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm.

Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện phối hợp thực hiện một số mô hình thử nghiệm, khảo nghiệm giống lúa J01, HDT10, ngô ĐK 6919S, ngô ngọt Hàn Quốc, chanh leo, hoa ly tại xã Bình Lư, Thị trấn Tam Đường.

2.5. Về phát triển thị trường, hợp tác và hội nhập quốc tế về KHCN

Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, quảng bá thương hiệu sản phẩm địa phương; tổ chức hội thảo đánh giá tiềm năng, thực trạng và định hướng phát triển nông nghiệp huyện Tam Đường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với 41 cá

nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia.

Tích cực hợp tác với các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong và ngoài tỉnh; phối hợp liên kết, hợp tác với các công ty, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện triển khai các chương trình dự án trên địa bàn huyện¹¹.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch của Trung ương, tỉnh về phát triển KHCN phù hợp với đặc điểm địa phương, đơn vị. Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, nhận thức về vị trí, vai trò của KHCN đối với sự nghiệp CNH-HĐH đất nước của cấp ủy, chính quyền và người dân được nâng lên, coi KHCN là một yếu tố quan trọng, là động lực góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KHCN; khuyến khích các công ty, doanh nghiệp, Nhân dân chủ động đầu tư nghiên cứu, ứng dụng thành tựu KHCN vào sản xuất, kinh doanh nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, mang lại lợi nhuận cao, cải thiện môi trường sinh thái. Từ năm 2012 đến nay, đã có nhiều mô hình, dự án KHCN được thực hiện đạt kết quả tốt, đã và đang được nhân rộng trên địa bàn như trồng chè chất lượng cao; lúa chất lượng cao; cây ăn quả ôn đới (đào, mận, lê) cây dược liệu; sản xuất miến dong. Thành quả từ việc tiếp cận, ứng dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất đã tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đến nay huyện có 8/12 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 66,7%.

2. Hạn chế yếu kém và nguyên nhân

*** Hạn chế, yếu kém**

- Việc phát triển các phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất và đổi mới sáng tạo trên địa bàn huyện chất lượng, hiệu quả chưa cao; nhiều sáng kiến tính ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế.

- Các mô hình, dự án mới được thử nghiệm tập trung chủ yếu lĩnh vực trồng trọt; việc đầu tư áp dụng KHCN vào sản xuất, chăn nuôi còn hạn chế, chủ yếu nhận hỗ trợ của các chương trình, dự án ngân sách nhà nước.

¹¹ Công ty cổ phần NaFood Tây Bắc thực hiện trồng 02 ha chanh leo tại xã Bình Lư, Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây ôn đới Sapa trồng 0,9ha mận Úc, lê Đài Loan tại xã Khun Há; Công ty cổ phần đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước trồng 2,28ha cây Gai tại 11 hộ xã Bản Bò, Thị trấn, Khun Há, Người dân Sapa liên kết trồng hoa hồng tại xã Giang Ma, hoa ly tại xã Bình Lư, Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao BeeFoods Lai Châu trồng 4,57 ha chanh leo tại Thị trấn, xã Thèn Sin.

- Việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH&CN chưa nhận được sự quan tâm nhiều từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trên địa bàn huyện.

*** Nguyên nhân**

- Kinh phí đầu tư cho nghiên cứu KH&CN còn ít; cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ cho công tác KH&CN còn thiếu; chưa đáp ứng yêu cầu.

- Đội ngũ cán bộ KH&CN kiêm nhiệm; thiếu cán bộ chuyên sâu, có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực KH&CN, nhất là các ngành kinh tế chủ lực của huyện.

- Việc thu hút các nhà đầu tư vào các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chưa nhiều. Thiếu cơ chế phối hợp giữa các ngành liên quan với doanh nghiệp, người dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Ảnh hưởng của thói quen, tập quán sản xuất truyền thống của người dân địa phương; chậm, ngại đổi mới, ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất.

3. Một số kinh nghiệm rút ra trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo

Một là, Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ về KH&CN; tận dụng các nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh trong việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN.

Hai là, Làm tốt công tác củng cố, kiện toàn, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của huyện. Thường xuyên tuyên truyền, vận động, làm cho Nhân dân thấy rõ hiệu quả của việc ứng dụng KH&CN, từ đó tích cực áp dụng những kỹ thuật mới, tiến bộ vào sản xuất, kinh doanh.

Ba là, Khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật; chuyển giao, ứng dụng thành tựu của KH&CN vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống hàng ngày.

Bốn là, Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; sơ, tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN để rút kinh nghiệm; đề xuất, lựa chọn những nhiệm vụ KH&CN phù hợp với thực tiễn địa phương.

C. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA HUYỆN ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

1. Quan điểm phát triển

Khai thác tốt những lợi thế và tiềm năng của huyện để tập trung phát triển, ứng dụng KH&CN vào các lĩnh vực, ngành kinh tế chủ lực, mũi nhọn của huyện; chú trọng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với phát triển cơ sở chế biến; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút, khuyến khích doanh

nghiệp, cá nhân tham gia phát triển hạ tầng, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiến bộ phù hợp với điều kiện địa phương.

2. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường đầu tư, ứng dụng KHCN, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn; đưa huyện về đích nông thôn mới vào năm 2025, trở thành huyện phát triển, có mức thu nhập cao trong tỉnh.

3. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030, xây dựng từ 01 sản phẩm trở lên đạt thương hiệu quốc gia, đủ sức cạnh tranh thị trường trong nước và quốc tế.

- Hình thành, phát triển một số ngành công nghiệp như: công nghiệp năng lượng, chế biến nông - lâm - thủy sản (chè, mắc ca, chuối, gạo đặc sản, cây ăn quả và cá nước lạnh); sản xuất vật liệu xây dựng (đá xây dựng, gạch, xi măng); chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón.

- Khuyến khích nghiên cứu, xây dựng các mô hình, dự án phục vụ thiết thực phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng các nhãn hiệu sản phẩm mang thương hiệu của địa phương.

- Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; thu hút cán bộ, công chức, các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KHCN về cơ sở.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

(1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Triển khai các quy định của pháp luật, cơ chế chính sách về KHCN nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư ứng dụng tiến bộ KHCN vào các ngành, lĩnh vực; xác định rõ các chỉ tiêu, kế hoạch ứng dụng và phát triển KHCN ở các ngành, địa phương; gắn việc ứng dụng KHCN với sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá kết quả, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện.

(2) Tập trung triển khai các nhiệm vụ KHCN chủ yếu. Duy trì, nhân rộng các mô hình có hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng chuyển giao công nghệ trong các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, trọng tâm là nông nghiệp chất lượng cao, du lịch. Ưu tiên các nhiệm vụ gắn với sản xuất thử nghiệm và chuyển giao các quy trình công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực nông nghiệp.

(3) Quan tâm tăng mức đầu tư cho KHCN, đồng thời huy động nguồn lực xã hội, đầu tư phát triển KHCN. Tranh thủ các chương trình, dự án đầu tư hỗ trợ của Trung ương, tỉnh; khuyến khích hoạt động nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu cho sản phẩm.

(4) Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ KHCN phát triển; đề xuất các giải pháp thu hút đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về KHCN về làm việc; cử cán bộ quản lý, chuyên viên thực hiện nhiệm vụ KHCN tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn.

(5) Đẩy mạnh hoạt động đổi mới, sáng tạo thông qua các phong trào tại cơ sở; xây dựng và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của huyện; mở rộng liên kết, hợp tác, xúc tiến thương mại; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất trên địa bàn tham gia các tổ chức hội chợ triển lãm, quảng bá sản phẩm.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đối với tỉnh: có chính sách ưu đãi để thu hút cán bộ có chuyên môn KHCN về huyện công tác; có giải pháp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh, tiềm năng của huyện. Tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng, chuyển giao KHCN cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; tăng cường mở lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm nhiệm vụ KHCN.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- TT. Huyện ủy, lãnh đạo UBND huyện,
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Lưu.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Cao Trang Trọng

DANH MỤC

Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghị quyết số 20-NQ/TW
(Kèm theo Báo cáo số 25-BC/HU, ngày 14/2022 của BTV Huyện ủy Tam Đường)

ST T	Thể loại văn bản	Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung
I. HUYỆN ỦY				
1	Kế hoạch	37-KH/HU	19/02/2013	Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng khóa XI
		185-KH/HU	15/4/2020	Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
2	Công văn	26-CV/HU	12/9/2015	v/v báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW
		243-CV/HU	17/02/2017	v/v báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW
3	Báo cáo	25-BC/HU	25/10/2015	Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012 Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về “phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”
		148-BC/HU	14/3/2017	Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của BCHTW Đảng (khóa XI) về “phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”

II. UBND HUYỆN				
1	Kế hoạch	154/KH-UBND	01/3/2017	Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 67-KH/TU ngày 7/12/2016 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước
2		441/KH-UBND	24/4/2020	Thực hiện Kế hoạch số 185-KH/HU ngày 15/4/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư